

CTY TNHH KHÁM CHỮA BỆNH NANCY
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

DANH MỤC CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM

(Quyết định 449/QĐ-SYT ngày 12 tháng 4 năm 2022)

I.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC:

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		<u>A. Tuần hoàn</u>				
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	X	X	X	
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	X	X	X	
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	X	X	X	
4	5	Làm test phục hồi máu mao mạch	X	X	X	X
5	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	X	X	X	X
6	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	X	X	X	X
7	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	X	X	X	X
8	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	X	X	X	X
		<u>B. Hô hấp:</u>				
9	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	X	X	X	X
10	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	X	X	X	X
11	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	X	X	X	X
12	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	X	X	X	X
13	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	X	X	X	X
14	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	X	X	X	X
15	66	Đặt ống nội khí quản	X	X	X	
16	72	Mở khí quản qua màng nhĩn giáp	X	X	X	
17	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	X	X	X	X
18	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	X	X	X	
19	157	Cố định lồng ngực do chấn th-ương gãy xương sườn	X	X	X	X
20	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	X	X	X	X
		<u>C. Thận lọc máu:</u>				
21	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	X	X	X	X
		<u>D. Tiêu hóa:</u>				
22	221	Thụt tháo	X	X	X	X
23	223	Đặt ống thông hậu môn	X	X	X	X
		<u>E.Toàn thân:</u>				
24	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	X	X	X	X
25	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	X	X	X	X
26	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	X	X	X	X
27	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	X	X	X	X
28	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	X	X	X	X

29	275	Băng bó vết thương	X	X	X	X
30	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	X	X	X	X
31	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	X	X	X	X
		<u>G. Xét nghiệm:</u>				
32	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	X	X	X	X
III. NHI KHOA (Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)						
		I. Hồi sức cấp cứu và chống độc				
		<u>A. Tuần hoàn</u>				
33	51	Ép tim ngoài lồng ngực	X	X	X	X
		<u>B. Hô hấp</u>				
34	77	Đặt ống nội khí quản	X	X	X	
35	104	Mở màng giáp nhân cấp cứu	X	X	X	X
36	105	Thổi ngạt	X	X	X	X
37	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	X	X	X	X
38	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	X	X	X	X
		<u>C. Thân lọc máu:</u>				
39	133	Thông tiểu	X	X	X	X
		<u>E. Toàn thân:</u>				
40	201	Cố định tạm thời bệnh gãy xương người	X	X	X	X
41	202	Băng bó vết thương	X	X	X	X
42	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	X	X	X	X
43	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	X	X	X	X
44	210	Tiêm truyền thuốc	X	X	X	X
VIII. BÔNG						
		<u>A. Các kỹ thuật trong cấp cứu, điều trị Bệnh nhân Bông</u>				
45	1515	Ngâm rửa vết bông bằng nước mát sạch, băng ép trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông kỳ đầu	X	X	X	X
X. RĂNG HÀM MẶT						
		<u>A. Răng</u>				
46	1914	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	X	X	X	
47	1915	Nhổ chân răng vĩnh viễn	X	X	X	
48	1916	Nhổ răng thừa	X	X	X	
49	1917	Nhổ răng vĩnh viễn	X	X	X	
50	1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	X	X	X	
51	1922	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	X	X	X	
52	1923	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc	X	X	X	
53	1924	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	X	X	X	
54	1928	Điều trị viêm quanh răng	X	X	X	
55	1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	X	X	X	
56	1930	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)	X	X	X	
57	1931	Phục hồi cổ răng bằng Composite	X	X	X	
58	1936	Tháo chụp răng giả	X	X	X	

59	1938	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) quang trùng hợp	X	X	X	
60	1939	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	X	X	X	
61	1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	X	X	X	
62	1941	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	X	X	X	
63	1942	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	X	X	X	
64	1943	Lấy tủy buồng răng sữa	X	X	X	
65	1944	Điều trị tủy răng sữa	X	X	X	
66	1945	Điều trị đóng cuống răng bằng $\text{Ca}(\text{OH})_2$	X	X	X	
67	1948	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	X	X	X	
68	1949	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	X	X	X	
69	1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	X	X	X	X
70	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	X	X	X	X
71	1955	Nhổ răng sữa	X	X	X	X
72	1956	Nhổ chân răng sữa	X	X	X	X
73	1958	Chích Apxe lợi trẻ em	X	X	X	X
74	1959	Điều trị viêm lợi trẻ em	X	X	X	X
75	1960	Chích áp xe lợi	X	X	X	X
76	1967	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	X	X	X	X
77	1968	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa thường	X	X	X	X
78	1969	Hàm giả tháo lắp toàn bộ nhựa thường	X	X	X	X
79	1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	X	X	X	X

XI. TAI MŨI HỌNG

		<u>A. Tai:</u>				
80	2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương	X	X	X	
81	2117	Lấy dị vật tai	X	X	X	
82	2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	X	X	X	
83	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	X	X	X	
84	2120	Làm thuốc tai	X	X	X	

		<u>B. Mũi xoang:</u>				
85	2148	Nắn sống mũi sau chấn thương	X	X	X	
86	2149	Nhét bắc mũi sau	X	X	X	
87	2150	Nhét bắc mũi trước	X	X	X	
88	2154	Làm Proetz	X	X	X	
89	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	X	X	X	X

		<u>C. Họng - thanh quản</u>				
90	2174	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	X	X	X	
91	2181	Chích áp xe quanh Amidan	X	X	X	
92	2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	X	X	X	
93	2190	Lấy dị vật họng miệng	X	X	X	X
94	2191	Khí dung mũi họng	X	X	X	X

		<u>D. Cổ - mặt:</u>				
95	2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	X	X	X	

XIII. NỘI KHOA

		<u>H. Các Kỹ thuật khác</u>				
--	--	------------------------------------	--	--	--	--

96	2387	Tiêm trong da	X	X	X	X
97	2388	Tiêm dưới da	X	X	X	X
98	2389	Tiêm bắp thịt	X	X	X	X
99	2390	Tiêm tĩnh mạch (Chỉ thực hiện trong cấp cứu ban đầu chống sốc)	X	X	X	X
100	2391	Truyền tĩnh mạch (Chỉ thực hiện trong cấp cứu ban đầu chống sốc)	X	X	X	X

XIX. NGOẠI KHOA

E. Chấn thương - chỉnh hình

		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
101	3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	X	X	X	X
		11. Các kỹ thuật khác				
102	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	X	X	X	X
103	3910	Chích hạch viêm mũ	X	X	X	X
104	3911	Thay băng, cắt chỉ	X	X	X	X

XV. TAI MŨI HỌNG

		B. Mũi - xoang:				
105	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	X	X	X	
106	132	Bẻ cuốn mũi	X	X	X	
107	143	Lấy dị vật mũi gây tê	X	X	X	X
108	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê	X	X	X	X
109	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	X	X	X	X
		D. Đầu - cổ :				
110	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	X	X	X	X
111	303	Thay băng vết mổ	X	X	X	X
112	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	X	X	X	X

XVI. RĂNG HÀM MẶT:

		A. Răng:				
113	105	Chụp kim loại	X	X	X	
114	107	Chụp hợp kim thường cần sứ	X	X	X	
115	108	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	X	X	X	
116	109	Chụp sứ toàn phần	X	X	X	
117	110	Chụp kim loại quý cần sứ	X	X	X	
118	113	Cầu hợp kim thường	X	X	X	
119	115	Cầu kim loại cần sứ	X	X	X	
120	116	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	X	X	X	
121	117	Cầu kim loại quý cần sứ	X	X	X	
122	118	Cầu sứ toàn phần	X	X	X	
123	131	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	X	X	X	
124	132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	X	X	X	
125	133	Hàm khung kim loại	X	X	X	
126	136	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	X	X	X	X
127	137	Tháo cầu răng giả	X	X	X	
128	139	Sửa hàm giả gãy	X	X	X	X
129	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	X	X	X	X
130	142	Đệm hàm nhựa thường	X	X	X	X
131	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc	X	X	X	
132	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	X	X	X	

XVIII. ĐIỀN QUANG:						
		A. Siêu âm chẩn đoán				
		<i>1. Siêu âm đầu cổ:</i>				
133	1	Siêu âm tuyến giáp	X	X	X	
134	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	X	X	X	
		<i>3. Siêu âm ổ bụng</i>				
135	15	Siêu âm ổ bụng (gan, mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	X	X	X	
136	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	X	X	X	
		B. Chụp X-quang chẩn đoán thường quy hoặc Kỹ thuật số (CR hoặc DR)				
137	67	Chụp X-quang sọ thẳng nghiêng	X	X	X	X
138	72	Chụp Xquang Blondeau	X	X	X	X
139	73	Chụp Xquang Hirtz	X	X	X	X
140	77	Chụp Xquang Chausse III	X	X	X	
141	78	Chụp Xquang Schuller	X	X	X	
142	79	Chụp Xquang Stenvers	X	X	X	
143	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	X	X	X	
144	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	X	X	X	X
145	87	Chụp Xquang cột sống cổ chệch hai bên	X	X	X	
146	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	X	X	X	
147	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	X	X	X	
148	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chệch	X	X	X	X
149	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	X	X	X	X
150	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chệch hai bên	X	X	X	X
151	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	X	X	X	X
152	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	X	X	X	
153	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	X	X	X	
154	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	X	X	X	
155	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chệch hai bên	X	X	X	
156	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	X	X	X	X
157	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chệch	X	X	X	X
158	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	X	X	X	X
159	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chệch	X	X	X	
160	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	X	X	X	X
161	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	X	X	X	X
162	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chệch	X	X	X	X
163	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	X	X	X	X
164	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	X	X	X	X
165	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chệch	X	X	X	X
166	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chệch	X	X	X	X
167	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	X	X	X	X
168	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	X	X	X	X
169	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	X	X	X	X
170	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chệch	X	X	X	X
171	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	X	X	X	
172	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	X	X	X	X
173	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chệch	X	X	X	X
174	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chệch	X	X	X	X

175	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	X	X	X	X
176	119	Chụp Xquang ngực thẳng	X	X	X	X
177	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	X	X	X	X
178	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	X	X	X	
179	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	X	X	X	
180	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	X	X	X	X
181	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	X	X	X	X
182	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	X	X	X	X

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG:

		A. Tim mạch				
183	13	Nghiệm pháp dây thắt	X	X	X	X
184	14	Điện tim thường	X	X	X	X

XXII. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU:

		I. Xét nghiệm đông máu				
185	19	Thời gian máu chảy phương pháp DUKE	X	X	X	X
186	20	Thời gian máu chảy phương pháp IVY	X	X	X	X
187	22	Nghiệm pháp dây thắt	X	X	X	X
		III. Tế bào học				
188	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	X	X	X	
189	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	X	X	X	
190	138	Tim ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	X	X	X	X
191	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	X	X	X	
192	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	X	X	X	X
193	160	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	X	X	X	X
194	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	X	X	X	X
		D. Huyết thanh học nhóm máu				
195	280	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiên đá)	X	X	X	
196	292	Định nhóm máu hệ RH(D) (kỹ thuật phiên đá)	X	X	X	

XXIV. VI SINH:

		A.Vi khuẩn				
		1. Vi khuẩn chung				
197	1	Vi khuẩn nhuộm soi	X	X	X	X
198	2	Vi khuẩn test nhanh	X	X	X	X
		6. Cách vi khuẩn khác				
199	60	Chlamydia test nhanh	X	X	X	X
200	73	Helicobacter pylori Ag test nhanh	X	X	X	X
201	74	Helicobacter pylori Ab test nhanh	X	X	X	X
202	80	Leptospira test nhanh	X	X	X	X
203	85	Mycoplasma hominis test nhanh	X	X	X	X
204	98	Treponema pallidum test nhanh	X	X	X	
205	103	Ureaplasma urealyticum test nhanh				
		B.Virus				
		1. Virus chung				
206	108	Virus test nhanh	X	X	X	X
		2. Hepatitis virus				
207	117	HBsAg test nhanh	X	X	X	X

208	122	HBsAb test nhanh	X	X	X	X
209	127	HBcAb test nhanh	X	X	X	X
210	130	HBeAg test nhanh	X	X	X	X
211	133	HBeAb test nhanh	X	X	X	X
212	144	HCV Ab test nhanh	X	X	X	X
213	155	HAV Ab test nhanh	X	X	X	X
214	163	HEV Ab test nhanh	X	X	X	X
215	164	HEV IgM test nhanh	X	X	X	X
		<u>4. Dengue virus</u>				
216	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	X	X	X	X
217	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/ IgG test nhanh	X	X	X	X
218	187	Dengue virus IgM/ IgG test nhanh	X	X	X	X
		<u>6. Enterovirus</u>				
219	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	X	X	X	X
		<u>7. Các virus khác</u>				
220	243	Influenza virus A, B test nhanh	X	X	X	X
221	249	Rotavirus test nhanh	X	X	X	X
222	254	Rubella virus Ab test nhanh	X	X	X	X
		C.Ký sinh trùng				
		<u>1. Ký sinh trùng trong phân</u>				
223	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	X	X	X	X
224	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	X	X	X	X
225	267	Trứng giun, sán soi tươi	X	X	X	X
		<u>2. Ký sinh trùng trong máu</u>				
226	289	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	X	X	X	X
227	291	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	X	X	X	X
		<u>3. Ký sinh trùng ngoài da</u>				
228	309	<i>Sarcoptes Scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi	X	X	X	X
229	310	<i>Sarcoptes Scabies hominis</i> (Ghẻ) nhuộm soi	X	X	X	
		C. Vi nấm				
230	319	Vi nấm soi tươi	X	X	X	X
231	320	Vi nấm test nhanh	X	X	X	X
232	321	Vi nấm nhuộm soi	X	X	X	